Phụ lục 4: CÁC DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG HOÀN THÀNH/DỰ KIẾN HOÀN THÀNH TRONG NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số 404/KH-UBND ngày 19/10/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án/công trình	Tên chủ đầu tư/ Ban quản lý dự án	Mã chủ đầu tư *(1: Nhà nước; 2: Ngoài nhà nước; 3: FDI)*	Thời gian khởi công		Thời gian hoàn thành/dự kiến hoàn thành		Tổng mức đầu tư *(Triệu đồng)*	Năng lực mới tăng		Thực hiện quý III năm 2026	Dự tính quý IV năm 2026	Ước cả năm 2026
				Tháng	Năm	Tháng	Năm		Năng lực/công suất thiết kế	Đơn vị tính			
A	B	D	E	F	G	H	I	1	2	3		6	9
	Tổng cộng:							**34.711.496**			**3.291.535**	**3.695.406**	**11.156.873**
1	Trường Phổ thông nội trú liên cấp TH & THCS Kháng Chiến	Công an tỉnh	1	9	2026	8	2027	240.976	26	phòng học	14.459	80.864	95.323
2	Trường Phổ thông nội trú liên cấp TH & THCS Quốc Việt	Công an tỉnh	1	9	2026	8	2027	257.738	20	phòng học	15.464	80.864	96.328
3	Trường Phổ thông nội trú liên cấp TH & THCS Thụy Hùng	Công an tỉnh	1	9	2026	8	2027	257.738	20	phòng học	15.464	80.864	96.328
4	Trường Phổ thông nội trú liên cấp TH & THCS Hoàng Văn Thụ	Công an tỉnh	1	9	2026	8	2027	383.622	20	phòng học	23.017	80.864	103.881
5	Trường Phổ thông nội trú liên cấp TH & THCS Đồng Đăng	Công an tỉnh	1	9	2026	8	2027	387.872	20	phòng học	23.272	80.864	104.136
6	Trường Phổ thông nội trú liên cấp TH & THCS Cao Lộc	Công an tỉnh	1	9	2026	8	2027	272.974	20	phòng học	16.378	80.865	97.243
7	Trường Phổ thông nội trú liên cấp TH & THCS Ba Sơn	Công an tỉnh	1	9	2026	8	2027	325.634	20	phòng học	19.538	80.861	100.399
8	Dự án Mở rộng đường vận chuyển hàng hóa chuyên dụng tại khu vực mốc 1119-1120 Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, huyện Cao Lộc	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1	11	2023	12	2026	230.499	705	m đường (14 làn)	40.500	168.376	230.499
9	Dự án Mở rộng đường chuyên dụng vận chuyển hàng hoá khu vực mốc 1088/2-1089	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1	12	2025	12	2026	535.912	1.215	m đường	168.212	330.912	535.365
10	Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng)	Tập đoàn đèo cả	1,2 (PPP)	3	2024	12	2026	12.546.000	52	km	300.000	300.000	1.474.547
11	Trường phổ thông nội trú TH&THCS Kiên Mộc, xã Kiên Mộc, tỉnh Lạng Sơn	Sở Giáo dục và Đào tạo	1		2025		2026	344.592	32	lớp	136.000		314.592
12	Trường phổ thông nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Quốc Khánh	Công an tỉnh	1		2025		2026	350.445	30	lớp	147.824		320.445
13	Trường phổ thông nội trú TH&THCS Khuất Xá, xã Khuất Xá, tỉnh Lạng Sơn	Sở Giáo dục và Đào tạo	1		2025		2026	283.567	36	lớp	115.257		243.567
14	Trường phổ thông nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Mẫu Sơn	Công an tỉnh	1		2025		2026	379.477	25	lớp	190.742		349.477
15	Đường tránh ĐT.226 (đoạn qua thị trấn Bình Gia, Văn Mịch) và khu TĐC, DC thị trấn Bình Gia	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1		2023		2026	249.677	22	km	30.000	9.576	79.576

TT	Tên dự án/công trình	Tên chủ đầu tư/ Ban quản lý dự án	Mã chủ đầu tư *(1: Nhà nước; 2: Ngoài nhà nước; 3: FDI)*	Thời gian khởi công		Thời gian hoàn thành/dự kiến hoàn thành		Tổng mức đầu tư (*Triệu đồng*)	Năng lực mới tăng		Thực hiện quý III năm 2026	Dự tính quý IV năm 2026	Ước cả năm 2026
				Tháng	Năm	Tháng	Năm		Năng lực/công suất thiết kế	Đơn vị tính			
A	B	D	E	F	G	H	I	1	2	3		6	9
16	Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	Tập đoàn đèo cả	1, 2 (PPP)		2024		2026	11.808.000	43km tuyến chính, 17km tuyến nối cửa khẩu	km	1.550.000	1.708.000	5.758.000
17	Hệ thống trạm bơm điện Bản Chúc, huyện Văn Lãng, Văn Quan	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1	10	2023	12	2026	151.290	Đảm bảo tưới 803ha	ha	15.000	16.447	57.171
18	Dự án Toà nhà làm việc liên ngành tại đường chuyên dụng vận chuyển hàng hoá khu vực mốc 1088/2-1089	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1					123.190	1	tòa nhà và khuôn viên	50.000	48.190	113.190
19	Dự án Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối khu công nghiệp Hữu Lũng, ĐT.245 với QL.31 Cảng Mỹ An (tỉnh Bắc Giang)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1	8	2025	7	2027	147.759	4,934	Km	14.184	44.528	71.621
20	Dự án Đường giao thông kết nối Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18 huyện Đình Lập	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	6	2023	12	2026	373.794	10,473	Km	20.000	19.000	39.000
21	Dự án Nút giao đường cao tốc vào khu công nghiệp Hữu Lũng;	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	7	2022	12	2026	193.112	1	Nút giao	15.000	10.025	30.655
22	Đầu tư xây dựng cầu cửa Nam	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	1					157.383	286	m		70	70
23	Đầu tư xây dựng cầu Bến Bắc	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	1					154.408	258	m		50	50
24	Đầu tư xây dựng cầu Xứ Lạng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	1					148.138	130	m		30	30
25	Đầu tư xây dựng mới cầu Na Sầm	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1					202.924	cầu+đường: 3.085	m		100	100
26	Công viên trung tâm Lương Văn Tri và bãi đỗ xe công cộng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1					128.727	8.521	m2		10.000	10.000
27	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư và dân cư Mai Pha - Yên Trạch	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1					1.002.717				50	50
28	Đầu tư xây dựng mới, sửa chữa hệ thống thoát nước, thu gom xử lý nước thải trên địa bàn các phường	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1					446.593	5.060	m		150	150
29	Đầu tư xây dựng Bảo tàng tỉnh Lạng Sơn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1									100	100
30	Đầu tư xây dựng Trung tâm triển lãm và tổ chức sự kiện văn hoá.	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1					549.987	51.641	m2		50	50
31	Khu liên hợp thể thao tỉnh Lạng Sơn (giai đoạn 2)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1					709.908	59.240	m2		100	100

TT	Tên dự án/công trình	Tên chủ đầu tư/ Ban quản lý dự án	Mã chủ đầu tư *(1: Nhà nước; 2: Ngoài nhà nước; 3: FDI)*	Thời gian khởi công		Thời gian hoàn thành/dự kiến hoàn thành		Tổng mức đầu tư (*Triệu đồng*)	Năng lực mới tăng		Thực hiện quý III năm 2026	Dự tính quý IV năm 2026	Ước cả năm 2026
				Tháng	Năm	Tháng	Năm		Năng lực/công suất thiết kế	Đơn vị tính			
A	B	D	E	F	G	H	I	1	2	3		6	9
32	Dự án "Phát triển CSHT thích ứng với BĐKH để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc" sử dụng vốn vay Nhật Bản	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1					813.500	31	km		300	300
33	Trường Mầm non xã Ba Sơn + xã Tân Tri	Nguồn tài trợ (thông qua công an tỉnh)	1	9	2026	8	2027	8.000	8	phòng học	8.000		8.000
34	Trường Mầm non Hoàng Văn Thụ	Nguồn tài trợ (thông qua công an tỉnh)	1					32.176		phòng học	32.176		32.176
35	Trường THPT Tràng Định	Nguồn tài trợ (thông qua công an tỉnh)	1					12.790	12	phòng học	12.790		12.790
36	Chương trình mục tiêu quốc gia kéo dài sang năm 2026	UBND các xã, phường, chủ đầu tư có liên quan	1					8.000			8.000		8.000
37	Công trình khẩn cấp (bão lũ số 4)		1					20.000			20.000		20.000
38	Đường giao thông nông thôn		1					121.500	61 km và 25 cầu	km	50.000	71.500	121.500
39	Cải tạo sửa chữa tuyến đường		1					207.857			207.857		207.857
40	Cải tạo chỉnh trang hồ phai Loạn	Nguồn tài trợ (tặng công trình)	1					32.400			32.400		32.400
41	Trụ sở làm việc Đội PCCC và cứu nạn cứu hộ khu vực Lộc Bình	Công an tỉnh	1	12	2026			33.670				30	30
42	Trụ sở làm việc Đội PCCC và cứu nạn cứu hộ khu vực Thất Khê	Công an tỉnh	1	12	2026			32.500				30	30
43	Trụ sở làm việc Đội PCCC và cứu nạn cứu hộ khu vực Hữu Lũng	Công an tỉnh	1	12	2026			44.450				30	30
44	Mở rộng trụ sở làm việc phòng CS PCCC&CNCH tỉnh Lạng Sơn	Công an tỉnh	1					43.887				33.533	33.533
45	07 Trụ sở Công an xã biên giới	Công an tỉnh	1	7	2026		2027	379.116				92.300	92.300
46	Trụ sở Công an tỉnh giai đoạn 3	Công an tỉnh	1	12	2026		2027	420.100				65.000	65.000
47	Trụ sở Phòng Cảnh sát cơ động	Công an tỉnh	1	11	2026		2027	238.843				32.000	32.000
48	Kho bãi tạm giữ phương tiện vi phạm trật tự an toàn giao thông Công an tỉnh	Công an tỉnh	1	7	2026		2027	97.779				50.000	50.000
49	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn	Công an tỉnh	1	11	2026		2027	121.298				48.000	48.000
50	Cầu 19/8 thôn Khuổi Luông xã Quý Hòa	Công an tỉnh	1	11	2026			10.000				10.000	10.000
51	Trụ sở làm việc Công an xã Khuất Xá		1	01	2026	11	2026	33.650				33.650	33.650

TT	Tên dự án/công trình	Tên chủ đầu tư/ Ban quản lý dự án	Mã chủ đầu tư *(1: Nhà nước; 2: Ngoài nhà nước; 3: FDI)*	Thời gian khởi công		Thời gian hoàn thành/dự kiến hoàn thành		Tổng mức đầu tư (*Triệu đồng*)	Năng lực mới tăng		Thực hiện quý III năm 2026	Dự tính quý IV năm 2026	Ước cả năm 2026
				Tháng	Năm	Tháng	Năm		Năng lực/công suất thiết kế	Đơn vị tính			
A	B	D	E	F	G	H	I	1	2	3		6	9
52	Xây dựng, cải tạo đường nhánh rẽ vào đồn biên phòng Thanh Lòa	Bộ đội Biên phòng tỉnh	1	11	2026		2027	3.233	550	m		3.233	3.233
53	Xây dựng nhà ở cho cán bộ, chiến sỹ thuộc Ban Chỉ huy Bộ Đội biên phòng tỉnh	Bộ đội Biên phòng tỉnh	1	11	2026		2027	12.000				12.000	12.000
54	Xây dựng cải tạo sửa chữa một số hạng mục thuộc Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh	Bộ đội Biên phòng tỉnh	1	11	2026		2027	8.000				8.000	8.000
55	Dự án Xây dựng đường giao thông phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi , kết hợp bảo đảm quốc phòng - an ninh tại tỉnh Cao Bằng và tỉnh Lạng Sơn.	Bộ đội Biên phòng tỉnh	1	11	2026		2027	4.000				4.000	4.000